

Số: 270 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 19/4 đến ngày 24/4/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 28,7 – 30,1°C; Cao nhất: 38,1°C; Thấp nhất: 23,2°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 69 – 72%; Thấp nhất: 36%.
- Tổng số giờ nắng: 76 – 88 giờ.
- Lượng mưa: 12 – 72 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi, ngày nắng nóng, ít mưa, nửa cuối kỳ một vài nơi có mưa vừa đến mưa to.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa:

Vụ Đông Xuân: Xưởng giống 13.819 ha/15.939 ha, đạt 87% DTKH. Diện tích lúa đang ở các giai đoạn: Chín (479 ha); Thu hoạch (15.460 ha).

Vụ Hè Thu: Xưởng giống 398 ha/22.185 ha, đạt 2% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn mạ.

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trổ cờ, thu hoạch	12.534
Rau các loại	Các giai đoạn	4.663
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.155
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Ra hoa, đậu trái	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Ra hoa, đậu trái	4.051
Tiêu	Thu hoạch	17.087

Điều	Nuôi trái, thu hoạch	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Ra hoa, đậu trái	17.172

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Lúa Đông Xuân đang ở giai đoạn chín, thu hoạch; nông dân chủ động phòng trừ nên tình hình SVH có xu hướng giảm. Bệnh đạo ôn lá DTN 127 ha giảm 13 ha, bệnh đạo ôn cổ bông DTN 14 ha giảm 30 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn thu hoạch nên SVH không đáng kể.
- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả:
 - + Cây có múi: Tình hình thời tiết thuận lợi cho các SVH phát triển: sâu vẽ bùa DTN 195 tăng 9 ha, bệnh chảy gôm DTN 25 ha tăng 10 ha.
 - + Xoài: Nhện đỏ DTN 95 ha tăng 5 ha, ruồi đục quả DTN 41 ha giảm 72 ha.
 - + Sầu riêng: SVH có xu hướng giảm, bệnh xì mù DTN 374 ha giảm 27 ha, bệnh nấm hồng DTN 160 ha giảm 32 ha.
 - + Chôm chôm: Rệp sáp DTN 109 ha tăng 9 ha, bệnh cháy mép lá DTN 105 ha giảm 10 ha.
 - + Chuối: Bệnh đốm lá vi khuẩn DTN 53 ha giảm 2 ha.
 - + Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 83 ha, có 3 ha nhiễm nặng.
- Cây công nghiệp:
 - + Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 913 ha giảm 34 ha, bệnh chết chậm DTN 863 ha tăng 7 ha, có 3 ha nhiễm nặng, bệnh tuyến trùng DTN 499 ha giảm 7 ha, có 4 ha nhiễm nặng.
 - + Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH giảm mạnh: bệnh thán thư DTN 1.376 ha giảm 540 ha, bọ xít muỗi DTN 1.206 ha giảm 321 ha, bọ trĩ 803 ha giảm 244 ha.
 - + Cây cao su: Bệnh phấn trắng DTN 384 ha giảm 18 ha, bệnh nấm hồng DTN 133 ha giảm 109 ha.
 - + Cây mì: Bệnh vi khuẩn DTN 3 ha tăng 1 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIẠN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL - LXL, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt và các SVH khác.
- Cây bắp: Chú ý bệnh rỉ sắt, sâu đục thân, bắp.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sâu riêng); sâu vẽ bùa, nhện nhỏ, rệp sáp (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Theo dõi bầy đàn ở địa phương; tình hình thủy văn để xuống giống tập trung, né rầy đối với lúa Hè thu 2018.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

- Tăng cường công tác điều tra phát bệnh khảm lá và rệp sáp bột hồng trên mì.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 19/4 đến ngày 24/4/2018)

Cây trồng	Tên SVGH*	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		195	0	0	195	0	9.0	170.0	95	Định Quán, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	3 - 10		56	0	0	56	0	-25.0	-98.0	121	Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10		34	0	0	34	0	-24.0	34.0	100	Vĩnh Cửu, Định Quán
	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	5		25	0	0	25	0	10.0	17.0	13	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom
Chôm chôm	Rệp sáp	Đậu trái	5 - 13		109	0	0	109	0	9.0	92.0	50	Xuân Lộc, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ
	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	5 - 10		103	2	0	105	0	10.0	-53.0	0	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10		45	8	0	53	0	2.0	-105.0	0	Trảng Bom
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	5 - 10		374	0	0	374	0	-27.0	239.0	149	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Định Quán
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		300	0	0	300	0	15.0	170.0	90	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		160	0	0	160	0	-32.0	143.0	52	Cẩm Mỹ, Tân Phú
	Rầy bông	Các giai đoạn	5 - 10		71	0	0	71	0	-2.0	38.0	61	Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	62	18	3	83	0	2.0	38.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Nhện đỏ	Nuôi trái	5		95	0	0	95	0	5.0	95.0	60	Xuân Lộc, Vĩnh Cửu
	Ruồi đục quả	Cho trái	8		41	0	0	41	0	-72.0	17.0	100	Vĩnh Cửu

	Bệnh thán thư	Nuôi trái	5		37	0	0	37	0	-2.0	-244.0	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc bông trái	10 - 15		38	0	0	38	0	4.0	13.0	0	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh cháy lá		3		19	0	0	19	0	0.0	12.0	0	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	15 - 20		711	15	0	726	0	62.0	260.0	19	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		650	3	0	653	0	-16.0	-63.0	124	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		351	4	0	355	0	5.0	201.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		190	14	0	204	0	-33.0	-79.0	15	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh
Cao su	Bệnh phấn trắng		13		383	1	0	384	0	-18.0	-20.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	13 - 20		232	1	0	233	0	-109.0	149.0	104	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Bệnh thán thư	Trái-thu hoạch	5 - 25	25	1195	181	0	1376	0	-540.0	-363.0	469	Tân Phú, Xuân Lộc, Long Thành, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bọ xít muỗi	Trái-thu hoạch	10 - 15	15 - 20	1141	65	0	1206	0	-321.0	-242.0	348	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bọ trĩ	Trái-thu hoạch	3 - 10		786	17	0	803	0	-244.0	363.0	38	Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		866	47	0	913	0	-34.0	276.0	29	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú, Long Thành
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	736	124	3	863	0	7.0	258.0	85	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	601	24	1	626	0	14.0	358.0	17	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Định Quán, Thống Nhất, TX Long Khánh, Tân Phú

	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	452	43	4	499	0	-7.0	-316.0	80	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Sắn (Mi)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	1.0	3.0	0	Trảng Bom
	Nhện đỏ	Các giai đoạn	10		2	0	0	2	0	1.0	-107.0	0	Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con			5	0	0	5	0	2.0	5.0	0	Thống Nhất
	Rệp ngô				4	0	0	4	0	2.0	0.0	0	Thống Nhất
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Trở chín	5 - 7		127	0	0	127	0	-13.0	126.0	124	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom
	Rầy nâu	Trở chín	1000		84	0	0	84	0	27.0	-14.0	77	Tân Phú, Thống Nhất
	Ốc bươu vàng	Trở chín	1 - 3		50	0	0	50	0	-3.0	-17.0	4	Trảng Bom, Tân Phú
	Sâu cuốn lá nhỏ	Trở chín	10		32	0	0	32	0	0.0	32.0	32	Tân Phú
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Trở chín	1 - 10		22	0	0	22	0	3.0	-28.0	22	Tân Phú, TP Biên Hòa
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Trở chín	3 - 10		14	0	0	14	0	-30.0	-64.0	6	Định Quán, TP Biên Hòa
	Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	1	5	0	6	0	0.0	4.0	5
Ruồi đục quả		Các giai đoạn	7	20	3	3	0	6	0	1.0	1.0	2	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh gỉa sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	25	7	4	0	11	0	-1.0	11.0	8	Trảng Bom, Nhon Trạch
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	30	60	3	5	0	8	0	2.0	6.0	8	Nhon Trạch, Thống Nhất
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 8	18	5	3	0	8	0	-1.0	3.0	4	Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		9	2	0	11	0	-3.0	-1.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	6.5	3.5	0	10	0	2.0	4.0	7	Nhon Trạch, Trảng Bom, Long Thành
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	10		25	0	0	25	0	4.0	16.0	25	Tân Phú, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Trảng Bom
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 10	14	16	0	0	16	0	5.0	14.0	15	TP Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Nhon Trạch
	Sâu tơ	Cây con-Cây lớn	10		10	0	0	10	0	1.0	4.0	10	Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất
Rau cần nước	Sâu xanh				7	0	0	7	0	1.0	7.0	0	Thống Nhất
	Bệnh đốm lá				4	0	0	4	0	0.0	4.0	0	Thống Nhất